TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNCHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bảnán số:**386**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/05/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Tạ Công Minh**

2.Ông **Nguyễn Bền**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Ngọc Hà**-Kiểm sát viên*

Ngày 27 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2022 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy D sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp NT, xã TCN, CT. Tiền Giang

2.Bị đơn: Nguyễn Văn Linh T sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp TB xã TCN, CT. Tiền Giang

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

Chị D và anh T chung sống vợ chồng vào năm 2015,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 26/7/2016.Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị D làm đơn xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M sinh ngày 21/8/2016, Chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Linh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa, không có ý kiến yêu cầu trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của Chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh T và Chị D kết hôn vào năm 2015,có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 26/7/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hiện đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị D làm đơn xin ly hôn với anh T. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị D xin ly hôn với anh T nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Linh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị D:

Tại phiên tòa, Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T lý do giữa Chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hiện đã ly thân từ năm 2019 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị D và anh T đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2019. Anh T trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của Chị D chứng tỏ anh T không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị D, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Chị D, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị D và anh T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh T và Chị D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M sinh ngày 21/8/2016. Chị D có ý kiến xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân cho tới nay, cháu M sống với Chị D, được Chị D chăm sóc chu đáo, đồng thời Chị D cũng có nghề nghiệp thu nhập ổn định, do đó cần giao cháu M cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện cho cháu phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của

cháu.

Về tài sản chung: Chị D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 53,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị D về việc xin ly hôn với anh T, về con chung đề nghị giao con chung cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con,về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D: cho chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Linh T

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng M sinh ngày 21/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Linh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004064 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị D đã nộp xong án phí.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành
- Đương sự
-Lưu hồ sơ, án văn.